

UBND TỈNH NINH BÌNH  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SNN-VP

Ninh Bình, ngày tháng năm 2022

V/v thẩm định công bố danh mục,  
nội dung và quy trình nội bộ giải quyết  
TTHC lĩnh vực Thủy sản sửa đổi, bổ sung,  
bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của  
Sở Nông nghiệp và PTNT

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

Thực hiện Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành xây dựng dự thảo hồ sơ Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm:

**I. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

TTHC cấp tỉnh: 07 thủ tục

**Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:** Ngày 18/02/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS về việc về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*(Kèm theo Phụ lục I - Danh mục và nội dung thực hiện TTHC)*

**III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**

TTHC cấp tỉnh: 07 thủ tục

**Lý do đề nghị bãi bỏ TTHC:** Ngày 06/9/2021, UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 709/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

*(Kèm theo Phụ lục II)*

**IV. 02 dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về:** Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*(Kèm theo 02 dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình).*

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Văn phòng UBND tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng gửi tới Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, VP.

HTTM

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Bách**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH**  
(Ban hành kèm theo Công văn số /SNN-VP ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Bình)

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>									
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá 1.003650.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Trung tâm PVHCC	Không	X	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	X		
2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá 1.003634.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Trung tâm PVHCC	Không	X	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá 1.003586.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Trung tâm PVHCC	Không	X	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		X	
4	Xóa đăng ký tàu cá 1.003681.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Trung tâm PVHCC	Không	X	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		X	
5	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) 1.003666.000.00.00.H42	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC	Không	X	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
6	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá 1.003563.000.00.00.H42	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính	X	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	X		
7	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá 1.003590.000.00.00.H42	- Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu: 20 ngày - Đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi: 10 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	X	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	X		

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH NINH BÌNH**

*(Ban hành theo Văn bản số: /SNN-VP ngày tháng năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Bình)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>				
1	1.003650.000.00.00.H42	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
2	1.003634.000.00.00.H42	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá		
3	1.003586.000.00.00.H42	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá		
4	1.003681.000.00.00.H42	Xóa đăng ký tàu cá		
5	1.003666.000.00.00.H42	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)		
6	1.003563.000.00.00.H42	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá		
7	1.003590.000.00.00.H42	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá		

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Ban hành kèm theo Văn bản số /SNN-VP ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Bình)

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH  
LĨNH VỰC THỦY SẢN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)

**Mã TTHC:** 1.003666.000.00.00.H42

**Thời gian giải quyết:** 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ làm việc

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 16 giờ	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định 01 lần duy nhất).</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm và chuyển về Chi cục Thủy sản. In phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả giao cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. In phiếu bàn giao hồ sơ từ Trung tâm PVHCC về Chi cục Thủy sản (ký số gửi Bưu điện chuyển về Chi cục Thủy sản)</p> <p>Hồ sơ gồm: <b>Trường hợp 1. Hồ sơ đề nghị chứng nhận gồm:</b></p> <p>a) Bản sao Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT; trường hợp nguyên liệu thủy sản chưa sử dụng hết, tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận nộp bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác để cơ quan thẩm quyền xác nhận phần nguyên liệu chưa sử dụng; Trường hợp nguyên liệu thủy sản đã sử dụng hết, cơ quan thẩm quyền thu bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và lưu hồ sơ;</p> <p>b) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường châu Âu hoặc theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ</p>	02 giờ	Mẫu 01,02,03, 04,05,06

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 16 giờ	Biểu mẫu/ Kết quả
			<p>Đại Tây Dương hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin;</p> <p>c) Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT.</p> <p><b>Trường hợp 2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận gồm:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin;</p> <p>c) Bản gốc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn, bị sai thông tin (trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất).</p> <p><b>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b></p>		
<i>Bước 2</i>	Phòng KT&BVNLTS	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ chuyên môn xử lý	01 giờ	Mẫu 02, 03, 04, 05
<i>Bước 3</i>	Phòng KT&BVNLTS	Chuyên viên phụ trách phòng KT&BVNLTS	<p>- Tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ</p> <p><i>Trường hợp 1:</i> Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác</p> <p>+ Nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo chi cục cấp giấy xác nhận.</p> <p>+ Nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</p> <p><i>Trường hợp 2 - cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác</i></p> <p>+ Nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo chi cục cấp giấy xác nhận.</p> <p>+ Nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</p>	05 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 4</i>	Phòng KT&BVNLTS	Trưởng phòng	<p>- Trưởng phòng chuyên môn trình lãnh đạo Chi cục xem xét.</p> <p>- Lãnh đạo Chi cục trình Lãnh đạo Sở phê duyệt quyết định</p>	02 giờ	Mẫu 04, 05



<b>Bước thực hiện</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Thời gian 16 giờ</b>	<b>Biểu mẫu/ Kết quả</b>
<i>Bước 5</i>	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo chi cục	- Xem xét, phê duyệt cấp giấy chứng nhận; - Chuyển bộ phận văn thư Chi cục.	04 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 6</i>	Chi cục Thủy sản	Văn thư Chi cục	Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ và xác nhận trên phần mềm. Gửi hồ sơ, kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	02 giờ	Mẫu 04, 05
<i>Bước 7</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo cho tổ chức và cá nhân, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và kết thúc trên phần mềm.	Không tính thời gian	Mẫu 01,04, 05, 06

**2. Tên thủ tục hành chính:** Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

**Mã số TTHC:** 1.003650.000.00.00.H42

**Tổng thời gian thực hiện TTHC:** 3 (ngày làm việc) x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định 01 lần duy nhất).</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm và chuyển về Chi cục Thủy sản. In phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả giao cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. In phiếu bàn giao hồ sơ từ Trung tâm PVHCC về Chi cục Thủy sản (ký số gửi Bưu điện chuyển về Chi cục Thủy sản)</p> <p><b>Hồ sơ gồm:</b></p> <p><u>1) Trường hợp 1 Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm:</u></p> <p>a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT;</p> <p>c) Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản;</p> <p>d) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</p> <p>đ) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>e) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).</p> <p><u>Trường hợp 2) Hồ sơ đối với tàu cải hoán gồm:</u></p> <p>a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</p> <p>c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có</p>	04 giờ	

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
			<p>chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).</p> <p>đ) Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT;</p> <p>e) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ;</p> <p>g) Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p><u>Trường hợp 3: đối với tàu được mua bán, tặng cho gồm:</u></p> <p>a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</p> <p>c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).</p> <p>đ) Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;</p> <p>e) Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>g) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;</p> <p>h) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.</p> <p><u>Trường hợp 4: đối với tàu nhập khẩu gồm:</u></p> <p>a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</p> <p>c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).</p> <p>đ) Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>e) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;</p> <p>g) Bản sao có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ</p>		

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
			<p>tục hải quan;</p> <p>h) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p><u>Trường hợp 5 - đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần gồm:</u></p> <p>a) Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</p> <p>c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).</p> <p>đ) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;</p> <p>e) Bản chụp có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;</p> <p>g) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>h) Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;</p> <p>i) Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.</p> <p><b>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b></p>		
Bước 2	Chi cục Thủy sản	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ chuyên môn xử lý	02 giờ	
		Cán bộ phòng KT&BVNLTS	<p>- Tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ</p> <p>+ Nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Chi cục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá</p> <p>+ Nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</p>	8giờ	
		Trưởng phòng KT&BVNLTS	<p>- Trưởng phòng chuyên môn trình lãnh đạo Chi cục xem xét.</p> <p>- Lãnh đạo Chi cục trình Lãnh đạo Sở phê duyệt quyết định</p>	04 giờ	

<b>Bước thực hiện</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Thời gian 24 giờ</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
		Lãnh đạo chi cục	- Xem xét, phê duyệt cấp giấy chứng nhận; - Chuyển bộ phận văn thư Chi cục.	04 giờ	
		Văn thư Chi cục	- Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ và xác nhận trên phần mềm. Gửi hồ sơ, kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	02 giờ	
<i>Bước 3</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên	Thông báo cho tổ chức và cá nhân, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và kết thúc trên phần mềm.		

**3. Tên thủ tục hành chính:** Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá**Mã số TTHC:** 1.003634.000.00.00.H42**Tổng thời gian thực hiện TTHC:** 3 (ngày làm việc) x 08 giờ = 24 giờ (sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định 01 lần duy nhất).</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm và chuyển về Chi cục Thủy sản. In phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả giao cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. In phiếu bàn giao hồ sơ từ Trung tâm PVHCC về Chi cục Thủy sản (ký số gửi Bưu điện chuyển về Chi cục Thủy sản)</p> <p><b>Hồ sơ gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cũ, trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;</li> <li>- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;</li> <li>- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).</li> </ul> <p><b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>	04 giờ	
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy sản	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ chuyên môn xử lý	02 giờ	
		Chuyên viên phụ trách phòng KT&BVNLTS	- Tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ + Nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo chi cục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá + Nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	8 giờ	
	Chi cục Thủy sản	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Trưởng phòng chuyên môn trình lãnh đạo Chi cục xem xét. - Lãnh đạo Chi cục trình Lãnh đạo Sở phê duyệt quyết định	04 giờ	

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
		Lãnh đạo Chi cục	- xem xét, phê duyệt cấp giấy chứng nhận; - chuyển bộ phận văn thư Chi cục.	02 giờ	
		Văn thư Chi cục	- vào sổ văn bản, lưu hồ sơ và xác nhận trên phần mềm. Gửi hồ sơ, kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	04 giờ	
<i>Bước 3</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên	Thông báo cho tổ chức và cá nhân, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và kết thúc trên phần mềm.		

**4. Tên thủ tục hành chính:** Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá**Mã số TTHC:** 1.003586.000.00.00.H42**Tổng thời gian thực hiện TTHC:** 3 (ngày làm việc) x 08 giờ = 24 giờ (sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/ Kết quả
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định 01 lần duy nhất).</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm và chuyển về Chi cục Thủy sản. In phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả giao cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. In phiếu bàn giao hồ sơ từ Trung tâm PVHCC về Chi cục Thủy sản (ký số gửi Bưu điện chuyển về Chi cục Thủy sản)</p> <p><b>Hồ sơ gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT;</li> <li>- Bản sao chụp và trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng;</li> <li>- Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu cá đã qua sử dụng, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với chủ tàu là cá nhân;</li> <li>- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).</li> </ul> <p><b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>	04 giờ	
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy sản	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ chuyên môn xử lý	02 giờ	



Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/ Kết quả
		Chuyên viên phụ trách phòng KT&BVNLTS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ</li> <li>+ Nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo chi cục cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá</li> <li>+ Nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</li> </ul>	08 giờ	
		Trưởng phòng KT&BVNLTS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng phòng chuyên môn trình lãnh đạo Chi cục xem xét.</li> <li>- Lãnh đạo Chi cục trình Lãnh đạo Sở phê duyệt quyết định</li> </ul>	04 giờ	
		Lãnh đạo chi cục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét, phê duyệt cấp giấy chứng nhận;</li> <li>- Chuyển bộ phận văn thư Chi cục.</li> </ul>	04 giờ	
		Văn thư Chi cục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ và xác nhận trên phần mềm. Gửi hồ sơ, kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.</li> </ul>	02 giờ	
<i>Bước 3</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên	Thông báo cho tổ chức và cá nhân, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và kết thúc trên phần mềm.		

**5. Tên thủ tục hành chính:** Xóa đăng ký tàu cá**Mã số TTHC:** 1.003681.000.00.00.H42**Tổng thời gian thực hiện TTHC:** 3 (ngày làm việc) x 08 giờ = 24 giờ (sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định 01 lần duy nhất).</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm và chuyển về Chi cục Thủy sản. In phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả giao cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. In phiếu bàn giao hồ sơ từ Trung tâm PVHCC về Chi cục Thủy sản (ký số gửi Bưu điện chuyển về Chi cục Thủy sản)</p> <p><b>Hồ sơ gồm:</b></p> <p>a) Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do</p> <p><b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>	04 giờ	
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy sản	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ chuyên môn xử lý	02 giờ	
		Cán bộ phòng KT&BVNLTS	- Tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ + Nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo chi cục cấp giấy Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu + Nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	8 giờ	
		Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Trưởng phòng chuyên môn trình lãnh đạo Chi cục xem xét. - Lãnh đạo Chi cục trình Lãnh đạo Sở phê duyệt quyết định	04 giờ	
	Chi cục Thủy sản	Lãnh đạo chi cục	- xem xét, phê duyệt cấp giấy chứng nhận; - chuyển bộ phận văn thư Chi cục.	04 giờ	

<b>Bước thực hiện</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Thời gian 24 giờ</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
		Văn thư Chi cục	- vào sổ văn bản, lưu hồ sơ và xác nhận trên phần mềm. Gửi hồ sơ, kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	02 giờ	
<i>Bước 3</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo cho tổ chức và cá nhân, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và kết thúc trên phần mềm.		

**6. Tên thủ tục hành chính:** Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá**Mã số TTHC:** 1.003590.000.00.00.H42**Tổng thời gian thực hiện TTHC:** 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ

(cắt giảm 02 bước thực hiện và 02 giờ thực hiện (01 giờ ở bước cán bộ tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC, 01 giờ ở bước văn thư ký số và gửi kết quả ra Trung tâm PVHCC)) Tổng thời gian thực hiện = 158 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 158 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định 01 lần duy nhất).</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm và chuyển về Chi cục Thủy sản. In phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả giao cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. In phiếu bàn giao hồ sơ từ Trung tâm PVHCC về Chi cục Thủy sản (ký số gửi Bưu điện chuyển về Chi cục Thủy sản)</p> <p><b>Hồ sơ gồm:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Hồ sơ thiết kế tàu cá (03 bộ).</p> <p><b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>	03 giờ	
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy sản	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ chuyên môn xử lý	04 giờ	
		Chuyên viên phụ trách phòng KT&BVNLTS	<p>- Tiến hành kiểm tra, thẩm định Thiết kế</p> <p><u>- Trường hợp 1 đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu</u></p> <p>+ nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo chi cục cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT;</p> <p>+ nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</p> <p><u>Trường hợp 2 đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi</u></p> <p>+ nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo chi cục cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT;</p> <p>+ nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</p>	132 giờ	
	Chi cục Thủy sản	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Kiểm tra hồ sơ, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Chi cục	08 giờ	

<b>Bước thực hiện</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Thời gian 158 giờ</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
		Lãnh đạo chi cục	- xem xét, phê duyệt cấp giấy chứng nhận; - chuyển bộ phận văn thư Chi cục.	08 giờ	
		Văn thư Chi cục	- vào sổ văn bản, lưu hồ sơ và xác nhận trên phần mềm. Gửi hồ sơ, kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	03 giờ	
<i>Bước 3</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo cho tổ chức và cá nhân, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và kết thúc trên phần mềm.		

**7. Tên thủ tục hành chính:** Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

**Mã số TTHC:** 1.003563.000.00.00.H42

**Tổng thời gian thực hiện TTHC:** 03 (ngày làm việc) x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	<p>1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn (nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định 01 lần duy nhất).</p> <p>2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, quét (scan) và cập nhật, lưu trữ hồ sơ vào phần mềm và chuyển về Chi cục Thủy sản. In phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả giao cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. In phiếu bàn giao hồ sơ từ Trung tâm PVHCC về Chi cục Thủy sản (ký số gửi Bưu điện chuyển về Chi cục Thủy sản)</p> <p><b>Hồ sơ gồm:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>b) Bản sao hồ sơ thiết kế đã được thẩm định (đối với trường hợp tàu cá đóng mới, cải hoán)</p> <p>c) Theo tiến độ thi công, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá phải trình Cơ sở đăng kiểm tàu cá bản sao chứng thực giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và các tài liệu kèm theo đối với máy móc, trang thiết bị sản xuất trong nước hoặc giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Certificate of Origin - CO), giấy chứng nhận chất lượng (Certificate of Quality - CQ)</p> <p><b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>	04 giờ	
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy sản	Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Xem xét hồ sơ, phân công cán bộ chuyên môn xử lý	02 giờ	

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian 24 giờ	Biểu mẫu/Kết quả
	Chi cục Thủy sản	Cán bộ phòng KT&BVNLTS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành kiểm tra thực tế</li> <li>+ Nếu đạt thì tham mưu Lãnh đạo phòng trình lãnh đạo chi cục cấp Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04n.BĐ Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; Sổ đăng kiểm tàu cá đối với trường hợp đóng mới, lần đầu theo Mẫu số 06.BĐ Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.</li> <li>+ Nếu không đạt phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</li> </ul>	08 giờ	
		Trưởng phòng KT&BVNLTS	- Kiểm tra hồ sơ, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Chi cục	04 giờ	
		Lãnh đạo Chi cục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét, phê duyệt cấp giấy chứng nhận;</li> <li>- Chuyển bộ phận văn thư Chi cục.</li> </ul>	04 giờ	
		Văn thư Chi cục	- Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ và xác nhận trên phần mềm. Gửi hồ sơ, kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	02 giờ	
<i>Bước 3</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo cho tổ chức và cá nhân, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và kết thúc trên phần mềm.		